

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/06/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM	7:25	19	0		22	0	
2		P2-TD5+RP2	9:25	20+0	0+0		15+7	0+0	CHUYEN 1 TD5-RP2

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: MRM	CREW: TUYEN - MTHAO - Vũ	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	USMANOV ALBERT	MRM	25-26	2	16		120	AMNGR	Russian
2	SHABAKANOV MARAT	MRM	28-29	2	13		82	AMNGR	Russian
3	GVOZDEV ALEKSEI	MRM	58	1	14		90	AMNGR	Russian
4	ALEKSANDROVICH IVAN	MRM	27	1	12		90	AMNGR	Russian
5	SUVOROV IURII	MRM	63-64	2	19		125	AMNGR	Russian
6	TROIANOV DMITRII	MRM	54-55	2	15		82	AMNGR	Russian
7	NABOKOV ANDREY	MRM	30-31	2	14		88	AMNGR	Russian
8	DIDENKO PAVEL	MRM	61-62	2	14		85	AMNGR	Russian
9	GRIGOREV ALEKSANDR	MRM	60	1	13		66	AMNGR	Russian
10	ZHESTKOV IGOR	MRM	59	1	12		110	AMNGR	Russian
11	MASHKOV ANDREI	MRM	55	1	12		95	AMNGR	Russian
12	DUBOGRAEV MIKHAIL	MRM	32	1	13		82	AMNGR	Russian
13	ZASTAVNYI VASILII	MRM	53	1	13		74	AMNGR	Russian
14	SHAKIN MIKHAIL	MRM	51-52	2	12		88	AMNGR	Russian
15	KIRICHENKO K.P.	MRM	65	1	12	50	74	KHOAN	Russian
16	NGUYEN VIET TRUNG	MRM	57	1	12		84	KHOAN	Vietnamese
17	VU THANH TUNG	MRM	66	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN BINH	MRM	67	1	4		60	PSV	Vietnamese
19	DUONG VIET DUNG	MRM	72	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO
1	MRM	19	26	233	1.617	50	22	
TOTAL		19	26	233	1.617	50	22	
WEIGHT KG				233	1.617	50		

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/06/2023	TO: P2 - TD5 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TUYỀN - MTHAO - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐĂNG KHÔI	TD5	33	1	8	40	87	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY TAM	TD5	34	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	67-68	2	13		90	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	400	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	97	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG ANH TUÂN	TD5	31-32	2	18		77	KHOAN	Vietnamese
7	HA QUỐC DUNG	TD5	95-96	2	12		74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VINH DUY	TD5	66	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	99	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN GIN	TD5	69	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD5	70	1	18		78	KHOAN	Vietnamese
12	ĐOÀN HIẾU	TD5	77	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	98	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
14	VU THẾ HÙNG	TD5	32	1	12		66	KHOAN	Vietnamese
15	LE MẠNH HUNG	TD5					75	ANTOAN	Vietnamese
16	CHU ĐÌNH THANH	TD5	64	1	5		53	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN BA HÙNG	TD5	71	1	10	62	80	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LINH	TD5	63	1	13		65	DVL	Vietnamese
19	ĐO HOÀI THANH	TD5	65	1	8		76	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD5	62	1	5		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	0	0	0	0	0	1		CHUYEN I PAX TD5-RP2
2	TD5	20	22	175	1.457	102	15 + A		
3	RP2	0	0	0	0	40	6		
TOTAL		20	22	175	1.457	142	22		
WEIGHT KG				175	1.457	142			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN